

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HS-PT

Ngày: 23/10/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng.

Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 78/2018/TLPT-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 đối với bị cáo Thái An Đ, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 24/2018/HS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có kháng cáo:

Thái An Đ, sinh năm 1972; tại Gia Lai; nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Công chức; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn H, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955; có vợ: Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm: 1978 và 02 người con, lớn sinh năm 2002 - nhỏ sinh năm 2011; hiện vợ con đang sinh sống tại tổ dân phố 3, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Thái An Đ: Ông Tống Đức N – Luật sư của Văn phòng luật sư Hà Trung thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Gia Lai. Có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Hàn Thị P, Võ Đức C không có kháng cáo và không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ban quản lý chợ huyện P, tỉnh Gia Lai (*sau đây viết tắt là: Ban quản lý chợ*) được thành lập ngày 21/4/2008 trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện P, là đơn vị sự nghiệp kinh tế có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng mở tại kho bạc huyện P, hoạt động theo phương thức hạch toán độc lập, tự trang trải về kinh phí (*thực hiện chế độ tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, không có biên chế và quỹ lương từ ngân sách*).

Cơ cấu tổ chức của Ban quản lý chợ gồm có: Thái An Đ là Trưởng Ban quản lý chợ (*công chức - UBND huyện bổ nhiệm*), Hàn Thị P là Kế toán trưởng (*viên chức - UBND huyện tuyển dụng*) và Võ Đức C là Thủ quỹ, kiêm thu ngân được Trưởng Ban quản lý chợ Ủy nhiệm thu (*hợp đồng theo thời vụ do Ban quản lý chợ P tuyển dụng*); ông Phạm Ngọc T là nhân viên phụ trách điện (*hợp đồng không thời hạn do UBND huyện tuyển dụng*); còn các nhân viên Hợp đồng thời vụ do Ban quản lý chợ tuyển dụng qua các năm gồm: Nguyễn Văn H, Đỗ Thị T, Phạm Văn H, Nguyễn Thị G, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị T, Đoàn Thị N, Nguyễn Thị D, Ksor T, Nguyễn Văn H, Bùi Thị Thu H, Nguyễn Văn D.

Về hoạt động của Ban quản lý chợ được phép thu và hưởng như sau:

- Phí cho thuê mặt bằng: Theo Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 13/4/2009 của UBND huyện thì tất cả các khoản thu đều nộp vào Ngân sách nhà nước.

- Phí chợ: Theo Quyết định phân bổ kinh phí sự nghiệp giao chỉ tiêu thu phí chợ Ban quản lý được hưởng 100% để hoạt động.

- Phí bến bãi: Theo Quyết định số 121/2006/QĐ-UBND ngày 29/12/2006 và Quyết định số 89/2007/QĐ-UBND ngày 24/9/2007 (*sửa đổi 121/2006/QĐ-UBND*) của UBND tỉnh thì phí bến bãi Ban quản lý phải nộp vào Ngân sách nhà nước 10%, còn lại 90% được hưởng để hoạt động.

- Phí xe nhập hàng: Theo Quyết định số 33/2009/QĐ-UBND ngày 18/9/2009 của UBND tỉnh thì Ban quản lý chợ được thu phí xe nhập hàng mức thu 10.000đồng/xe/lượt, nhưng không thể hiện rõ việc sử dụng nguồn phí thu được; hàng năm Ủy ban nhân dân huyện phân bổ kinh phí sự nghiệp và giao chỉ tiêu thu thể hiện: ngoài thu phí chợ và giữ xe, thì các mục thu khác Ban quản lý được hưởng 100%.

Theo Ban quản lý trình bày về hình thức các khoản thu phí mốc thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2015 như sau:

- Phí chợ: Từ tháng 10/2010 đến hết tháng 8/2011, ông Huy thu tiền và đều nộp về Ban quản lý chợ; từ tháng 9/2011 đến hết tháng 12/2014 ông H thu tiền và nộp về Ban quản lý chợ là 14.000.000 đồng/tháng (*có biên bản làm việc*); từ tháng 01/2015 đến hết tháng 11/2015 Thái An Đ chỉ đạo nhân viên thu tiền nộp về Ban quản lý chợ và nộp vào Tài khoản mở tại Kho bạc huyện, sau đó rút ra chi cho các hoạt động thường xuyên của Ban quản lý.

- Phí cho thuê mặt bằng: Từ tháng 10/2010 đến hết tháng 11/2015 do Võ Đức C thu, cân đối nộp vào Ngân sách một phần, còn lại để ngoài sổ sách và chi theo sự chỉ đạo của Thái An Đ.

- Phí bến bãi: Ông Đào Xuân L ký hợp đồng hàng năm với Ban quản lý để thu phí giữ xe khu vực chợ P và nộp về Ban quản lý tổng số tiền là 1.089.000.000 đồng, với mức khoán thu như sau:

- + Từ tháng 10/2010 đến hết tháng 12/2012 mức khoán thu là 17.000.000đồng /tháng, đã nộp về Ban quản lý chợ số tiền là 459.000.000đồng.

- + Từ tháng 01/2013 đến hết tháng 11/2015 mức khoán thu là 18.000.000đồng /tháng, đã nộp về Ban quản lý số tiền là 630.000.000đồng.

- Phí xe nhập hàng: Bà Đoàn Thị N thu và đã nộp về Ban quản lý số tiền là 33.660.000đồng; việc khoán thu do Thái An Đ chỉ đạo, giữa bà N và Ban quản lý không có hợp đồng; mức khoán thu từ tháng 01/2013 đến hết tháng 11/2015 là 1.000.000đồng/tháng (số tiền này Ban quản lý được hưởng 100% để chi lương và các hoạt động khác).

Như vậy, từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2015 Ban quản lý thu các loại phí và đã quyết toán đúng theo chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp như sau:

- Phí chợ, phí bến, phí xe nhập hàng và các khoản khác (điện, hỗ trợ...) nộp vào tài khoản Kho bạc huyện tổng cộng 2.125.117.658 đồng và đã rút ra để chi trả lương và các hoạt động thường xuyên của Ban quản lý số tiền 2.151.752.593 đồng. Hàng năm, Ban quản lý chợ có lập sổ theo dõi tiền gửi (thể hiện nội dung thu phí) và sổ quỹ tiền mặt (thể hiện nội dung chi).

- Phí bến bãi (trích 10% tiền thu được) đã nộp vào ngân sách số tiền 112.400.000đồng (nộp tại Chi cục thuế huyện P).

- Phí mặt bằng nộp vào Ngân sách 483.050.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT tiến hành tạm giữ 01 quyển sổ theo dõi thu phí do Nguyễn Văn H và 312 quyển phiếu thu liên quan đến việc thu các khoản phí tại chợ P, do Thái An Đ giao nộp; nội dung thu phí không rõ ràng nên Cơ quan CSĐT tiến hành làm việc với Ban quản lý chợ và những người thu phí để tiến hành bóc, tách phân loại các loại phí, kết quả như sau:

Từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2015, tại sổ theo dõi thu và phiếu thu do Thái An Đ nộp thể hiện Thái An Đ, Hàn Thị P, Võ Đức C; ông Nguyễn Văn H, bà Đỗ Thị T, ông Nguyễn Văn P, ông Nguyễn Văn D, ông Phạm Văn H, ông Nguyễn Văn H và ông Phạm Ngọc T đã thu tổng cộng số tiền là 1.497.220.000đồng; trong đó:

- Các loại phí đã quyết toán đúng tổng cộng là 821.134.000đồng gồm: Phí thuê mặt bằng đã nộp Ngân sách theo quy định là 231.072.000đồng; phí chợ là 540.422.000đồng; phí kiểm dịch là 6.415.000đồng; phí làm hồ sơ hợp đồng là 450.000đồng; phí lắp điện là 950.000 đồng; phí tạm thu lương, phí chợ, phí bến bãi là 41.825.000đồng.

- Phí cho thuê mặt bằng không nộp vào ngân sách là 676.086.000 đồng (gồm phí thuê chỗ ngồi buôn bán 544.016.000 đồng, phí mặt bằng cho thuê kho kiốt 132.070.000 đồng) (1.497.220.000 đồng - 821.134.000 đồng = 676.086.000đồng).

Số tiền 676.086.000 đồng Thái An Đ chỉ đạo Võ Đức C và Hàn Thị P mở 02 tài khoản trái nguyên tắc tài chính, kế toán tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện, số tiền nộp vào 543.859.000 đồng và rút ra 544.160.000 đồng (cao hơn số tiền nộp vào là do ngân hàng trả lãi) để chi các hoạt động thường xuyên của Ban quản lý, còn lại 132.227.000 đồng đã chi các hoạt động của Ban quản lý nhưng không lập hồ sơ theo dõi.

Cơ quan CSĐT tiến hành kiểm tra 02 tài khoản mở tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện P xác định:

- Chủ tài khoản tên Thái An Đ mở ngày 25/10/2010 có số 421101.000059 , ngày 29/01/2014 khi hòa mạng toàn quốc thì tài khoản tự động đổi số hiệu tài khoản sang số 1000004200099137 (*thay đổi số hiệu nhưng là cùng một tài khoản*).

- Tài khoản mang tên Ban quản lý chợ P mở ngày 25/10/2010 có số 421101.000058, ngày 29/01/2014 khi hòa mạng toàn quốc thì tài khoản tự động đổi số hiệu tài khoản sang số 1000004200099136 (*thay đổi số hiệu nhưng là cùng một tài khoản*). Tài khoản trên do Ban quản lý chợ mở gồm: chủ tài khoản là Thái An Đ, Kế toán trưởng là Hàn Thị P, người được ủy quyền Kế toán trưởng ông Võ Đức C cùng mở.

- Việc gửi tiền vào, rút ra và số tiền ngân hàng trả lãi đối với tài khoản số 1000004200099137 mang tên Thái An Đ, cụ thể như sau:

+ Số tiền nộp 160.585.000 đồng; trong đó Võ Đức C nộp 130.985.000 đồng, Hàn Thị P nộp 29.600.000 đồng.

+ Số tiền rút: 160.610.000 đồng đều do Đông rút.

+ Số tiền ngân hàng trả lãi 653.900 đồng.

+ Số tiền dư trong tài khoản 28.900 đồng.

- Việc gửi tiền, rút ra; số tiền lãi đối với tài khoản số 1000004200099136 mang tên Ban quản lý chợ P, cụ thể như sau:

+ Số tiền nộp: 383.274.000 đồng; trong đó C nộp 343.424.000 đồng, P là 39.850.000 đồng.

+ Số tiền rút: 383.550.000 đồng; trong đó, Đ rút 383.550.000 đồng, P rút 379.550.000 đồng và C rút ra 4.000.000 đồng.

+ Ngân hàng trả lãi 1.514.010 đồng.

+ Số dư trong tài khoản 1.238.010 đồng.

Sử dụng 676.086.000 đồng do lập quỹ trái phép, Đ đã giải trình chi hoạt động chi thường xuyên như (*việc sử dụng nguồn quỹ đều do Đ chỉ đạo, khởi xướng C và P cùng thực hiện*):

1. Từ tháng 9/2011 đến tháng 12/2014, Ban quản lý khoán thu phí cho ông H là 14.000.000 đồng/tháng, tương ứng với 560.000.000 đồng/40 tháng đã nộp về Ban quản lý. Tuy nhiên, số tiền trên không đủ chi lương và chi thường xuyên, nên sử dụng tiền thu phí mặt bằng (*số tiền Lập quỹ trái phép*), hợp thức hóa để nộp thêm vào nguồn phí chợ tại Kho bạc là 73.940.000 đồng (*với nội dung phí chợ (phí được hưởng) đã nộp tổng cộng là 633.940.000 đồng, nhưng thực tế trong đó chỉ có 560.000.000 đồng phí chợ là đúng nguồn thu và nộp, còn lại 73.940.000 đồng là phí mặt bằng*).

2. Tháng 12/2015, Ban quản lý đã nộp số tiền quỹ trái phép vào tài khoản số tiền 37.840.000 đồng, nhưng sau đó lại rút ra chi thường xuyên của Ban quản lý.

3. Chi diễn tập Phòng cháy chữa cháy số tiền 83.680.000 đồng.

4. Mua, sửa chữa trang thiết bị điện tử, điện cơ số tiền 69.320.000 đồng.

5. Mua và sửa chữa hệ thống cửa nhà làm việc là 5.800.000 đồng.

6. Mua và sửa chữa bàn, ghế, tủ, ổ khóa...tổng số tiền là 19.450.000đồng.
 7. Chi khoan giếng 20.000.000đồng.
 8. Chi đổ đất, mua lưới B40, quả cầu thông gió, bồn nước với tổng số tiền là 39.650.000đồng.
 9. Chi sửa chữa, mua sắm, thay thế phụ tùng xe đẩy rác và một số dụng cụ Phòng cháy chữa cháy, hệ thống điện với tổng số tiền là 41.335.000đồng.
 10. Chi ủng hộ quỹ từ thiện, quỹ an ninh quốc phòng, mua phần mềm máy tính, hỗ trợ trực làng, mua cây xanh, đo hệ thống chống sét định kỳ tổng số tiền là 8.878.000đồng.
 11. Chi hỗ trợ lễ, tết tổng số tiền là 88.700.000đồng.
 12. Chi khắc phục sai phạm do Ban quản lý chợ thuê mặt bằng năm 2011 là 55.000.000đồng.
- Tổng cộng các mục đã chi là 543.593.000đồng.

13. Còn lại 132.493.000 đồng chi thăm hỏi ốm đau, trang thiết bị trực đêm, chi mua nệm, mùng, mền, tất niên, tham quan; nhưng không lập sổ sách không có chứng từ chi nên chưa xác định cụ thể từng mục chi.

Cơ quan CSĐT đã tiến hành xác minh, làm việc với cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan về các mục chi của Ban quản lý, đồng thời phối hợp với các cơ quan chuyên môn để đánh giá, thẩm định 13 mục chi có kết quả như sau:

Việc sử dụng số tiền Lập quỹ trái phép tại các mục thứ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 với tổng số tiền 488.593.000đồng là có cơ sở, mục đích sử dụng phục vụ cho các hoạt động thiết thực và tình hình khó khăn về tài chính của Ban quản lý, việc chi tiêu trên phù hợp với Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban quản lý quy định tại Nghị định số: 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định và Thông tư 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ tài chính về “*Hướng dẫn thực hiện Nghị định số: 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ*”.

Riêng việc sử dụng tiền quỹ trái phép tại mục thứ 12 và 13 với tổng số tiền 187.493.000 đồng ($676.086.000 \text{ đồng} - 488.593.000 \text{ đồng} = 187.493.000 \text{ đồng}$) là không có cơ sở vì: số tiền 55.000.000 đồng sử dụng sai mục đích (*chi khắc phục sai phạm cá nhân*) và số tiền 132.493.000 đồng (*mục thứ 13*) không có hồ sơ chứng từ.

Ngày 01/12/2017, Cơ quan CSĐT công an Huyện P đã ra Bản kết luận điều tra số 57 đề nghị truy tố các bị can Thái An Đ, Võ Đức C và Hàn Thị P về tội “*Lập quỹ trái phép*” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 166 Bộ luật hình sự năm 1999.

Ngày 25/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện P ra Quyết định trả điều tra bổ sung vụ án và yêu cầu giám định tài chính đối với việc thu chi của Ban quản lý theo nội dung vụ án.

Ngày 15/01/2018, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 21 trưng cầu giám định đối với ông Huỳnh Tấn H và Nguyễn Văn P là Giám định viên Tài chính - Kế toán Tỉnh Gia lai.

Tại Bản kết luận giám định số 03/GĐV-TC ngày 03/04/2018 về giám định tài chính về việc quản lý sử dụng ngân sách của Ban quản lý chợ P từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2015 xác định: Ban quản lý chợ P thu tiền phí mặt bằng chỗ ngồi mua bán và phí mặt bằng cho thuê kho ki ốt từ tháng 10/2010 đến tháng 11/ 2015 số tiền 676.086.000đồng để ngoài sổ sách kế toán, không nộp vào quỹ, không nộp vào kho bạc và tự chi tiêu sử dụng trái nguyên tắc tài chính. Việc làm trên là trái quy định của pháp luật, đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền là 676.086.000đồng (trong đó, việc mở tài khoản trái nguyên tắc tài chính tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện nộp vào số tiền là 543.859.000 đồng và rút ra chi hoạt động thường xuyên của Ban quản lý số tiền 132.227.000 đồng chi các hoạt động của Ban quản lý nhưng không lập hồ sơ theo dõi).

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKS ngày 21/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai đã truy tố các bị cáo Thái An Đ, Võ Đức C và Hàn Thị P về tội: “*Lập quỹ trái phép*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 205 Bộ luật hình sự 2015.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Thái An Đ phạm tội: “*Lập quỹ trái phép*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 205; điểm b, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Thái An Đ 12 (*Mười hai*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Hàn Thị P, Võ Đức C; tuyên nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/7/2018, bị cáo Thái An Đ có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 25/9/2018, bị cáo Thái An Đ có đơn xin chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền.

Ngày 26/9/2018, bị cáo Thái An Đ có đơn bổ sung đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm án và bị cáo được hưởng án treo; đồng thời, xem xét xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 205 Bộ luật hình sự năm 2015, chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền hoặc hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chuyển hình phạt tù sang hình phạt tiền.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thái An Đ, chuyển hình phạt tù có thời hạn sang hình phạt tiền, mức phạt từ 150.000.000 đồng – 170.000.000 đồng.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 205 của BLHS năm 2015 là đúng người, đúng tội. Bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội khi mà hoàn cảnh kinh tế của ban quản lý chợ là khó khăn, thu không đủ chi nên bị cáo và đồng phạm mới thực hiện hành vi phạm tội. Sau khi xét xử, bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả,

nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, có bác ruột được tặng huân chương kháng chiến, trong quá trình công tác có nhiều giấy khen đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chuyển hình phạt tù có thời hạn sang hình phạt tiền và mức phạt thấp hơn mức mà đại diện Viện kiểm sát đề ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, kết luận giám định tài chính và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định: Ban quản lý chợ P được thành lập và trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện P, là đơn vị sự nghiệp kinh tế có thu, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng mở tại kho bạc huyện, hoạt động theo phương thức hạch toán độc lập, tự trang trải về kinh phí và tuân thủ theo các quy định về kế toán, tài chính, ngân sách theo quy định của pháp luật. Thái An Đ là công chức được Ủy ban nhân dân huyện P bổ nhiệm giữ chức vụ trưởng ban quản lý chợ P. Từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2015, ban quản lý chợ P dưới sự quản lý của Thái An Đ đã thu phí cho thuê mặt bằng với số tiền là 676.086.000 đồng. Tuy nhiên, đối với số tiền này, Thái An Đ để ngoài sổ sách kế toán, không nộp vào quỹ, không nộp vào ngân sách nhà nước mà chỉ đạo Hàn Thị P - kế toán trưởng và Võ Đức C – thủ quỹ kiêm thu ngân mở hai tài khoản trái nguyên tắc tài chính để sử dụng chi tiêu cho các hoạt động của Ban quản lý chợ, gây thiệt hại cho Ngân sách nhà nước với số tiền 676.086.000 đồng (trong đó, việc mở tài khoản trái nguyên tắc tài chính tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện nộp vào số tiền là 543.859.000 đồng và rút ra chi hoạt động thường xuyên của Ban quản lý, số tiền 132.227.000 đồng chi các hoạt động của Ban quản lý nhưng không lập hồ sơ theo dõi). Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Thái An Đ về tội “Lập quỹ trái phép” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 205 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo xin chuyển hình phạt tù có thời hạn sang hình phạt tiền của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và là chủ thể đặc biệt, có chức vụ quyền hạn nhất định, được người có thẩm quyền bổ nhiệm, bản thân bị cáo biết việc thu, chi tài chính của ban quản lý chợ phải tuân theo quy định của pháp luật nhưng bị cáo vẫn chỉ đạo cấp dưới lập quỹ trái phép, sử dụng quỹ này chi tiêu cho các mục đích khác nhau của ban quản lý chợ. Trong vụ án này bị cáo là người có vai trò chính, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn

năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Thái An Đ 12 tháng tù. Tuy nhiên, mức án này đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bởi vì, hành vi phạm tội của bị cáo có một phần nguyên nhân là do tình hình tài chính của ban quản lý chợ khó khăn, thu không đủ chi. Mặc dù, hành vi lập quỹ trái phép của bị cáo và đồng phạm gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước số tiền 676.086.000 đồng nhưng bị cáo không sử dụng số tiền này vì mục đích tư lợi cá nhân, trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh, trong tổng số tiền 676.086.000 đồng, có 488.593.000 đồng bị cáo sử dụng phục vụ cho các hoạt động thiết thực và tình hình khó khăn về tài chính của Ban quản lý, việc chi tiêu trên phù hợp với Quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm của Ban quản lý chợ, số tiền còn lại là 187.493.000 đồng sử dụng chi tiêu các hoạt động của Ban quản lý nhưng không lập hồ sơ theo dõi, không sử dụng đúng mục đích, tuy nhiên, bị cáo và đồng phạm đã khắc phục toàn bộ số tiền nêu trên, trong đó bị cáo Thái An Đ tự nguyện khắc phục 162.493.000 đồng.

Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, chưa có án tích; sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp án phí hình sự sơ thẩm, việc này thể hiện bị cáo đã thực sự ăn năn, hối cải với hành vi phạm tội của mình; trong quá trình công tác, bị cáo đã có nhiều thành tích và được cơ quan có thẩm quyền tặng giấy khen, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 mà Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong trường hợp này là không cần thiết mà chỉ cần buộc bị cáo chịu hình phạt chính là phạt tiền đã đủ đảm bảo việc giáo dục, răn đe và cải tạo đối với bị cáo mà vẫn có tác dụng trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 135, 136, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thái An Đ. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 24/2018/HS-ST ngày 10 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai:

Tuyên bố bị cáo Thái An Đ phạm tội: “Lập quỹ trái phép”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 205; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Thái An Đ mức phạt 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) để nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Thái An Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện P;
- VKSND huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, THS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Thị Kim Hồng

Nguyễn Thị Xuân Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Dũng

Nguyễn Thị Kim Hồng

Nguyễn Thị Xuân Hương